

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Khoa Tiếng Đức

-----oOo-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----oOo-----

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học: Ngôn ngữ học tiếng Đức 1 (61GER3LI1)

Nhóm học phần 01

Phòng thi: 802C

Ngày thi kết thúc học phần: 8h00,
ngày 05/12/2019

Số tín chỉ: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	NNHT Đ 1	Ký tên	Ghi chú
1	LI1-01	1707050004	Bạch Thị Vân	Anh	30/10/1999			
2	LI1-02	1707050006	Chu Quỳnh	Anh	26/01/1999			
3	LI1-03	1707050008	Đặng Hồng	Anh	01/12/1999			
4	LI1-04	1807050007	Hoàng Ngọc Vân	Anh	15/01/2000			
5	LI1-05	1607050012	Nguyễn Hoàng	Anh	23/11/1998			
6	LI1-06	1707050019	Phạm Phương	Anh	13/01/1999			
7	LI1-07	1707050027	Trần Thị Ngọc	Ánh	18/07/1999			
8	LI1-08	1607050026	Nguyễn Quỳnh	Chi	06/07/1997			
9	LI1-09	1707050158	Nguyễn Khánh	Duy	09/10/1999			
10	LI1-10	1707050048	Phạm Thị Ngân	Hà	10/09/1999			
11	LI1-11	1707050049	Trần Thị Thu	Hà	06/05/1999			
12	LI1-12	1707050054	Lê Thu	Hằng	08/02/1999			
13	LI1-13	1707050059	Bùi Minh	Hiền	16/04/1999			
14	LI1-14	1707050061	Lê Thị Thu	Hiền	06/03/1999			
15	LI1-15	1707050063	Nguyễn Thị	Hoa	19/12/1999			
16	LI1-16	1707050064	Phạm Thanh	Hoài	24/03/1999			
17	LI1-17	1607050047	Đỗ Thị	Hồng	19.08.1998			
18	LI1-18	1707050068	Phạm Ngọc	Huyền	08/10/1999			
19	LI1-19	1707050069	Phạm Thị Khánh	Huyền	25/09/1999			
20	LI1-20	1707050075	Lê Huy	Kiên	16/11/1999			
21	LI1-21	1707050079	Phùng Thị Phương	Liên	27/08/1999			
22	LI1-22	1607050059	Trần Thị	Liên	12.09.1998			
23	LI1-23	1607050061	Hoàng Nguyệt	Linh	22.09.1998			
24	LI1-24	1707050084	Lê Thùy	Linh	25/09/1999			
25	LI1-25	1707050086	Ngô Thị Hoài	Linh	25/07/1999			
26	LI1-26	1707050094	Trịnh Thu	Linh	26/11/1999			
27	LI1-27	1607050073	Nguyễn Thị Trà	Mi	19.04.1998			
28	LI1-28	1707050109	Nguyễn Hiền	Ngân	10/10/1999			
29	LI1-29	1707050111	Trương Tuấn	Nghĩa	06/09/1999			
30	LI1-30	1707050112	Trần Hồng	Ngọc	02/08/1999			
31	LI1-31	1707050121	Nguyễn Lâm	Phương	02/10/1999			

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	NNHT Đ 1	Ký tên	Ghi chú
32	LI1-32	1707050122	Phan Thu Phương	02/05/1999			
33	LI1-33	1607050094	Khuất Thị Thúy Quỳnh	07.08.1998			
34	LI1-34	1607050095	Nguyễn Thị Như Quỳnh	13.05.1998			
35	LI1-35	1707050130	Đinh Thiên Thanh	04/09/1999			
36	LI1-36	1707050138	Nguyễn Thu Thủy	25/08/1999			
37	LI1-37	1707050139	Đàm Thị Phương Thúy	02/10/1999			
38	LI1-38	1707050140	Đoàn Anh Thư	05/11/1999			
39	LI1-39	1607050105	Hoàng Hà Thư	04.12.1998			
40	LI1-40	1707050146	Nguyễn Thị Minh Trang	24/03/1999			
41	LI1-41	1707050148	Nguyễn Thị Thu Trang	05/07/1999			
42	LI1-42	1707050152	Lê Thành Trung	14/05/1999			
43	LI1-43	1607050126	Đặng Thị Thu Uyên	20/03/1998			
44	LI1-44	1707050155	Nguyễn Hồng Vân	25/05/1999			
45	LI1-45	1707050003	Trần Thị Thúy An	22/05/1999			
46	LI1-46	1607050010	Nguyễn Đỗ Thảo Anh	24/02/1998			
47	LI1-47	1707050014	Nguyễn Thị Phương Anh	07/11/1999			
48	LI1-48	1707050015	Nguyễn Thị Thục Anh	26/08/1999			
49	LI1-49	1707050021	Trần Ngọc Anh	24/10/1999			
50	LI1-50	1707050023	Trương Quỳnh Anh	28/11/1999			
51	LI1-51	1707050025	Vũ Ngọc Tường Anh	15/12/1999			
52	LI1-52	1707050035	Nguyễn Thùy Dương	07/11/1999			
53	LI1-53	1707050036	Phạm Thùy Dương	25/07/1999			
54	LI1-54	1707050038	Tào Thị Đan	26/03/1999			
55	LI1-55	1707050040	Bùi Hương Giang	26/12/1998			
56	LI1-56	1707050042	Vũ Thị Hương Giang	13/06/1999			
57	LI1-57	1707050043	Dương Ánh Hà	03/09/1999			
58	LI1-58	1707050046	Nguyễn Thanh Hà	07/08/1999			
59	LI1-59	1707050051	Nguyễn Thị Hạnh	07/12/1999			
60	LI1-60	1707050052	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21/01/1999			
61	LI1-61	1707050053	Vũ Thị Tuyết Hạnh	22/01/1999			
62	LI1-62	1707050056	Nguyễn Thị Thu Hàng	16/02/1999			
63	LI1-63	1707050057	Nguyễn Thị Thu Hàng	29/10/1999			
64	LI1-64	1707050159	Phạm Đức Hiếu	30/08/1999			
65	LI1-65	1707050065	Vũ Mai Huế	31/10/1999			
66	LI1-66	1707050067	Lê Thu Huyền	21/10/1999			
67	LI1-67	1707050070	Văn Ngọc Huyền	08/11/1999			
68	LI1-68	1707050074	Kiều Đình Kiên	24/11/1999			
69	LI1-69	1707050080	Đoàn Thị Huyền Linh	17/12/1999			
70	LI1-70	1707050082	Đỗ Phương Linh	15/01/1998			
71	LI1-71	1707050083	Lê Nhật Linh	22/07/1999			
72	LI1-72	1707050089	Nguyễn Trần Kiều Linh	20/11/1999			

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	NNHT Đ 1	Ký tên	Ghi chú
73	LI1-73	1707050091	Phạm Ngọc Linh	24/07/1999			
74	LI1-74	1707050092	Trần Diệu Linh	23/03/1999			
75	LI1-75	1707050096	Đỗ Sao Mai	18/06/1999			
76	LI1-76	1707050100	Trần Phương Mai	03/07/1999			
77	LI1-77	1707050107	Nguyễn Thị Thuý Nga	15/05/1999			
78	LI1-78	1707050108	Vũ Phương Nga	16/02/1999			
79	LI1-79	1707050114	Lương Minh Nguyệt	12/11/1999			
80	LI1-80	1707050115	Vũ Thị Minh Nguyệt	25/12/1999			
81	LI1-81	1607050079	Vũ Phương Nhã	11/12/1998			
82	LI1-82	1707050116	Nguyễn Xuân Nhật	06/03/1999			
83	LI1-83	1707050119	Lê Huyền Phương	11/05/1999			
84	LI1-84	1707050133	Lê Thị Phương Thảo	03/08/1999			
85	LI1-85	1707050137	Nguyễn Thị Thu	18/02/1999			
86	LI1-86	1707050126	Đoàn Thanh Tịnh	18/04/1998			
87	LI1-87	1707050141	Nguyễn Thị Thu Trà	07/04/1999			
88	LI1-88	1707050147	Nguyễn Thị Thu Trang	29/08/1999			
89	LI1-89	1707050149	Phạm Thị Thuý Trang	09/01/1999			
90	LI1-90	1707050127	Nguyễn Vũ Cẩm Tú	13/12/1999			
91	LI1-91	1707050153	Đào Thị Thanh Uyên	30/06/1999			
92	LI1-92	1707050156	Cao Phương Vy	30/11/1999			
93	LI1-93	1607050035	Nguyễn Thị Duyên	10.07.1998			2Đ-16 học lại HTH, N.âm, T.vụng
94	LI1-94	1607050032	Lê Thùy Dương	18.02.1998			2Đ-16 học lại HTH
95	LI1-95	1507050049	Đỗ Đăng Khoa	10.12.1997			2Đ-15 học lại Từ vựng
96	LI1-96	1607050063	Ngô Thị Thảo Linh	23.12.1998			2Đ-16 học lại HTH, T.vụng
97	LI1-97	1607050074	Nguyễn Thi Huyền My	03.11.1998			1Đ-16 học lại Từ vựng
98	LI1-98	1507050126	Nguyễn Thị Như Ý	26.01.1997			1Đ-15 học lại HTH
99	LI1-99	1607050113	Nguyễn Thị Thủy Tiên	02.10.1998			2Đ-16 học lại HTH
100	LI1-100	1607050044	Trần Hồng Hạnh	28.03.1998			2Đ-16 học lại HTH
101	LI1-101	1607050008	Lù Thị Thục Anh	15.04.1998			2Đ-16 học lại HTH
102		1707050124	Dương Thị Thúy Quỳnh	20/02/1999	CT		nghi 9 buổi
103		1607050063	Nguyễn Thị Phương Mai	04.04.1998	CT		2Đ-16 học lại HTH (Không thi GK)
104		1607050023	Nguyễn Bảo Châm	24.02.1998	CT		1Đ-16 học lại Từ vựng (không đi học)
105		1507050128	Tạ Hoàng Yến	06.10.1997	CT		4Đ-15 học lại HTH (không đi học)

Tổng ds thi: 105 Không đủ đk thi: 4 Đủ đk dự thi: 101 Dự thi: Bỏ Thi: Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên:

